

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUYỀN SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
CÔN ĐẢO**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 33
8. Phụ lục	34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Côn Đảo theo Quyết định số 4747/QĐ - UBND ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500121495, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Điện thoại : (84 – 254) 3.839.914
- Fax : (84 – 254) 3.839.360

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản biển;
- Sản xuất giống thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. (Địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai thuê hải quan.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Văn Kháng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Ông Huỳnh Văn Long	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Ông Trương Bách Thế	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Ông Huỳnh Koc Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Lệ Trinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Bà Trần Thị Hồng Châm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Trần Thị Hồng Châm	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Lệ Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Ông Nguyễn Vĩnh Khương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Ông Lê Hữu Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Trương Bách Thế	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Ông Lê Văn Kháng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020
Ông Lê Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Bách Thế – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trương Bách Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0482/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Wõ Trí Phương - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4697-2019-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.514.786.415	104.479.172.139
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.338.298.259	4.413.802.964
1. Tiền	111		3.338.298.259	4.413.802.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.700.000.000	23.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	26.700.000.000	23.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.742.836.184	25.842.509.334
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	27.038.382.604	11.117.527.617
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.165.633.082	1.535.591.177
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	13.538.820.498	13.189.390.540
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		47.653.926.921	47.582.853.295
1. Hàng tồn kho	141	V.6	47.653.926.921	47.582.853.295
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.079.725.051	3.440.006.546
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	485.668.996	333.545.715
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.594.056.055	3.106.460.831
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐÀO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.398.956.481	61.115.089.675
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.254.667.681	38.589.327.168
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	32.864.948.970	37.210.041.443
- Nguyên giá	222		84.048.121.588	84.315.258.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.183.172.618)	(47.105.217.199)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	389.718.711	1.379.285.725
- Nguyên giá	228		389.718.711	2.223.764.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(844.478.741)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	140.965.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	140.965.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.058.000.000	20.058.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	20.058.000.000	20.058.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	5.676.500.000	5.676.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(5.676.500.000)	(5.676.500.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.086.288.800	2.326.797.507
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.086.288.800	2.326.797.507
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		179.913.742.896	165.594.261.814

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		67.232.237.885	48.310.179.834
I. Nợ ngắn hạn	310		66.974.237.885	47.178.479.124
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	20.792.391.623	17.067.462.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	221.965.821	201.038.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	945.278.520	932.730.837
4. Phải trả người lao động	314	V.14	7.983.652.725	4.482.502.465
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	15.940.355	10.170.774
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	4.346.969.678	4.852.095.394
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	30.729.434.898	18.657.329.508
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.938.604.265	975.149.197
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		258.000.000	1.131.700.710
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	258.000.000	1.131.700.710
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐÀO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.681.505.011	117.284.081.980
I. Vốn chủ sở hữu	410		112.681.505.011	117.284.081.980
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	80.086.200.000	80.086.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.086.200.000	80.086.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	8.778.885.000	8.778.885.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	8.294.671.639	8.294.671.639
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	15.521.748.372	20.124.325.341
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		677.728.006	20.124.325.341
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.844.020.366	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		179.913.742.896	165.594.261.814

Vũng Tàu, ngày 22 tháng 3 năm 2021



Hồ Thị Bảo Châu
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Thủy
Kế toán trưởng



Trương Bách Thế
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐÀO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	459.280.255.248	424.632.307.757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	1.181.583.920
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		459.280.255.248	423.450.723.837
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	412.709.397.052	372.827.884.141
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.570.858.196	50.622.839.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.364.275.543	4.686.979.980
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.746.984.155	(1.917.522.265)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		800.796.529	799.976.024
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	22.930.792.701	19.870.635.459
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.431.981.277	12.962.874.494
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.825.375.606	24.393.831.988
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.841.909.961	409.782.644
12. Chi phí khác	32	VI.9	557.960.299	1.104.422.756
13. Lợi nhuận khác	40		2.283.949.662	(694.640.112)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.109.325.268	23.699.191.876
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.265.304.902	4.378.849.128
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>14.844.020.366</u>	<u>19.320.342.748</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Vũng Tàu, ngày 22 tháng 3 năm 2021



Hồ Thị Bảo Châu
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Thủy
Kế toán trưởng



Trương Bách Thế
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐÀO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.109.325.268	23.699.191.876
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	5.319.987.481	4.992.191.768
- Các khoản dự phòng	03		-	(8.400.032.004)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	183.230.726	109.604.523
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(6.442.278.167)	1.057.419.358
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	800.796.529	799.976.024
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.971.061.837	22.258.351.545
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.671.258.590)	6.800.107.587
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(71.073.626)	(11.014.208.600)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.316.655.949	(9.211.966.184)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		229.350.426	(108.614.058)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15, VI.5	(795.026.948)	(804.980.614)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(2.111.755.145)	(4.584.111.177)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18, V.19	(4.067.626.267)	(4.132.044.226)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(199.672.364)	(797.465.727)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(1.675.000.000)	(2.921.887.957)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8, V.9, VI.8	3.484.313.667	602.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(9.500.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	6.000.000.000	11.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.250.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	3.880.552.670	3.262.644.813
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.189.866.337	11.193.484.129

004
CÔN
CH NH
ATOÁ
A
NH-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐÀO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	351.042.978.566	292.740.121.448
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(339.928.481.799)	(300.338.216.645)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, V.19	(14.176.574.660)	(7.917.533.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.062.077.893)	(15.515.628.437)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.071.883.920)	(5.119.610.035)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.413.802.964	9.533.962.502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.620.785)	(549.503)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.338.298.259	4.413.802.964

Vũng Tàu, ngày 22 tháng 3 năm 2021



Hồ Thị Bảo Châu
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Thủy
Kế toán trưởng



Trương Bách Thế
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và nuôi trồng thủy hải sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai thuê hải quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay của Công ty gia tăng so với năm trước chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID, nhu cầu mua thực phẩm dự trữ tăng. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm do nguồn nguyên liệu đầu vào tăng giá mạnh.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu có trụ sở chính tại 973 Đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý tàu biển; Bốc xếp hàng hoá; Dịch vụ khai thuê hải quan; Môi giới và đại lý hàng hải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 55,72%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo Trại nuôi cá, Tôm giống Thạnh Hòa	363 Ấp Tầm Vu 1, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang
Chi nhánh công ty Cổ phần Thủy sản và xuất nhập khẩu Côn Đảo – Xí nghiệp Chế biến Hải sản 01	335 Trần Phú, Phường 5, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 379 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 352 nhân viên).

15-
Y
ĐƯ
TƯ
C
HỚ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

00
Đ
H
T
A
H

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	02 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	12

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (từ 10 - 50 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.065.029.042	170.337.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.273.269.217	4.243.465.106
Cộng	3.338.298.259	4.413.802.964

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng đến không quá 12 tháng.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 3.500.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh V.17a) và khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 6.200.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh kiêm giấy đề nghị phát hành cam kết bảo lãnh số 300052451-14062016 ngày 16 tháng 6 năm 2016, ngày hết hạn bảo lãnh là ngày 14 tháng 7 năm 2021 (xem thuyết minh V.17b).

001
CÔ
H N
T O
A
V H.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	20.058.000.000	-	20.058.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu ⁽ⁱ⁾	20.058.000.000	-	20.058.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.676.500.000	(5.676.500.000)	5.676.500.000	(5.676.500.000)
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản Hùng Cường	5.676.500.000	(5.676.500.000)	5.676.500.000	(5.676.500.000)
Cộng	25.734.500.000	(5.676.500.000)	25.734.500.000	(5.676.500.000)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500561432 ngày 10 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu 20.058.000.000 VND (giá trị theo mệnh giá cổ phần), tương đương 55,72% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.676.500.000	14.076.532.004
Hoàn nhập dự phòng	-	(8.400.032.004)
Số cuối năm	5.676.500.000	5.676.500.000

Giao dịch với các công ty con

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu là công ty con với số tiền là 3.008.700.000 VND (năm trước là 2.206.380.000 VND).

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của công ty con với giá trị ghi sổ là 20.058.000.000 VND (số đầu năm là 20.058.000.000 VND) được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.17a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Compagnie Des Peches Saint Malo	5.770.655.727	3.197.708.409
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Liên Anh	3.522.358.000	1.945.725.254
Samjin Food Co., Ltd	7.786.107.000	1.617.490.000
SS Food International Co., Ltd	-	1.608.286.482
Daejootrading Co., Ltd (Korea)	2.695.014.000	822.609.200
Các khách hàng khác	7.264.247.877	1.925.708.272
Cộng	27.038.382.604	11.117.527.617

Toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.17a).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Năng lượng xanh	320.000.000	490.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Môi trường Nam Việt	604.461.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Tiến Minh	-	259.600.000
San-Ei GeN F.F.I, Inc (Japan)	-	414.353.520
Công ty Cổ phần Thủy Sản Sao Biển	174.299.232	174.299.232
Các nhà cung cấp khác	66.872.850	197.338.425
Cộng	1.165.633.082	1.535.591.177

Toàn bộ các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.17a).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	3.008.700.000	-	2.206.380.000	-
Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu – Cổ tức được chia	3.008.700.000	-	2.206.380.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.530.120.498	-	10.983.010.540	-
Phải thu tài sản cố định xí nghiệp 01 bàn giao cho nhà nước (*)	8.052.938.427	-	8.052.938.427	-
Tạm ứng	1.407.810.346	-	1.322.975.032	-
Lãi tiền gửi dự thu	727.183.562	-	762.419.726	-
Công ty Cổ phần Thủy sản Sao Biển – Các khoản chi hộ	311.461.829	-	311.461.829	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội nộp thừa	726.334	-	4.405.124	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30.000.000	-	528.810.402	-
Cộng	13.538.820.498	-	13.189.390.540	-

(*) Theo Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi 5.188 m² (lô đất số 01) tại đường Trần Phú, Phường 5, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Biên bản bàn giao đất trên thực địa ngày 13 tháng 4 năm 2018 với các cơ quan quản lý Nhà nước, Công ty đã bàn giao đất và tài sản trên đất thuộc Xí nghiệp Chế biến Hải sản 01 cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Phần giá trị còn lại của tài sản cố định đã bàn giao được ghi nhận ở chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác.

Theo thông báo số 783/TTPTQĐ-ĐTĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty đã làm việc và lập Biên bản làm việc số 37/BB-Cty ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hải sản Xuân Phát về việc sớm chấm dứt hoạt động kinh doanh và lưu trú trên khu đất đã bàn giao lại cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn khác được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.17a).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	979.920.186	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.179.118.245	-	8.775.557.474	-
Công cụ, dụng cụ	1.918.786.666	-	1.924.574.097	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	741.000.000	-
Thành phẩm	29.481.462.764	-	29.592.980.327	-
Hàng gửi đi bán	6.094.639.060	-	6.548.741.397	-
Cộng	47.653.926.921	-	47.582.853.295	-

Toàn bộ hàng tồn kho được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.17a).

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	153.166.520	56.666.666
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	332.502.476	276.879.049
Cộng	485.668.996	333.545.715

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	866.523.887	1.210.305.397
Chi phí sửa chữa	1.219.764.913	1.116.492.110
Cộng	2.086.288.800	2.326.797.507

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	19.756.818.993	58.058.829.623	6.045.559.476	387.395.905	66.654.645	84.315.258.642
Mua sắm mới	-	1.675.000.000	-	-	-	1.675.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.712.184.906)	(57.800.000)	(40.527.603)	(131.624.545)	-	(1.942.137.054)
Số cuối năm	18.044.634.087	59.676.029.623	6.005.031.873	255.771.360	66.654.645	84.048.121.588
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.362.712.730	7.063.820.732	715.096.364	225.056.000	66.654.645	11.433.340.471
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.066.573.619	33.565.274.845	3.081.917.523	324.796.567	66.654.645	47.105.217.199
Khấu hao trong năm	1.242.026.220	3.386.537.301	579.174.748	18.500.760	-	5.226.239.029
Thanh lý, nhượng bán	(970.888.277)	(45.758.308)	(40.527.603)	(91.109.422)	-	(1.148.283.610)
Số cuối năm	10.337.711.562	36.906.053.838	3.620.564.668	252.187.905	66.654.645	51.183.172.618
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9.690.245.374	24.493.554.778	2.963.641.953	62.599.338	-	37.210.041.443
Số cuối năm	7.706.922.525	22.769.975.785	2.384.467.205	3.583.455	-	32.864.948.970
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.17a).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.223.764.466	844.478.741	1.379.285.725
Thanh lý, nhượng bán	(1.834.045.755)	(938.227.193)	
Khấu hao trong năm		93.748.452	
Số cuối năm	389.718.711	-	389.718.711

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn

sử dụng

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.17a).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển chi phí trả trước năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình cải tạo, di dời nhà xưởng Surumi	140.965.000	1.963.192.500	(2.104.157.500)	-
Cộng	140.965.000	1.963.192.500	(2.104.157.500)	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Thanh Bình	3.747.553.889	1.785.363.982
Công ty TNHH MTV Thủy sản Ngọc Trâm	2.384.509.500	2.407.256.500
Trần Khắc Mai	2.138.038.000	1.860.103.000
Các nhà cung cấp khác	12.522.290.234	11.014.739.067
Cộng	20.792.391.623	17.067.462.549

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hero Foods Pty., Ltd (Australia)	221.965.821	-
Fat Lam Marine Products International Limited	-	200.102.400
Các khách hàng khác	-	936.000
Cộng	221.965.821	201.038.400

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	192.353.000	-	192.353.000	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	34.851.109	(34.851.109)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	40.996.273	(40.996.273)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	442.135.766	-	2.265.304.902	(2.111.755.145)	595.685.523	-
Thuế thu nhập cá nhân	490.595.071	-	1.539.844.779	(1.873.199.853)	157.239.997	-
Thuế nhà thầu	-	-	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	884.748.482	(884.748.482)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Cộng	932.730.837	-	4.964.098.545	(4.951.550.862)	945.278.520	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Phụ phẩm cá tiêu thụ trong nước	Không chịu thuế
- Thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	0%
- Dịch vụ cung cấp nước	05%
- Thành phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong nước và dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế theo quy định khoản 5 điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.109.325.268	23.699.191.876
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	839.092.116	1.145.285.408
- Các khoản điều chỉnh giảm	(855.261.192)	-
Thu nhập chịu thuế	17.093.156.192	24.844.477.284
Thu nhập được miễn thuế	(3.008.700.000)	(2.206.380.000)
Thu nhập tính thuế	14.084.456.192	22.638.097.284
- Thu nhập được hưởng ưu đãi	11.103.319.612	18.317.286.230
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	2.981.136.580	4.320.811.054
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.816.891.238	4.527.619.457
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(555.165.981)	(915.864.312)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	3.579.645	767.093.983
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.265.304.902	4.378.849.128

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí lãi vay phải trả.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ăn giữa ca của công nhân	198.153.000	166.311.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.173.446.847	1.934.505.507
Công ty Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Vũng Tàu	-	855.261.192
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.173.000.000	1.173.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	802.369.831	723.017.695
Cộng	<u>4.346.969.678</u>	<u>4.852.095.394</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	29.855.734.188	17.105.329.508
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	873.700.710	1.552.000.000
Cộng	<u>30.729.434.898</u>	<u>18.657.329.508</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu theo các hợp đồng vay sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT880-COIMEX ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Các thông tin liên quan đến Hợp đồng vay này như sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND
- Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Lãi suất cho vay trong hạn: theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu tại thời điểm nhận nợ.
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy hải sản, Surimi ...

Hợp đồng tín dụng cho vay theo phương thức hạn mức chiết khấu số 01/2020-HĐCKHM/NHCT880-COIMEX ngày 15 tháng 7 năm 2020. Các thông tin liên quan đến Hợp đồng vay này như sau:

- Hạn mức chiết khấu: 20.000.000.000 VND
- Thời hạn cấp hạn mức chiết khấu là 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Lãi suất cho vay trong hạn: theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu tại thời điểm chiết khấu.
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất chiết khấu trong hạn.
- Mục đích vay: chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐÀO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hình thức đảm bảo:

- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 4995/2014-HĐTCBĐS-01/NHCTT880-CM ngày 14 tháng 5 năm 2014 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 4995/2014-HĐTCBĐS-01/NHCTT880-CM ngày 26 tháng 4 năm 2019.
- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 8716/2014-HĐTCQTS-03/880-CM ngày 15 tháng 5 năm 2014.
- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 8716/2014-HĐTCQTS-04/880-CM ngày 15 tháng 5 năm 2014.
- Hợp đồng thế chấp động sản số 8716/2014-HĐTCQTS-02/880-CM ngày 01 tháng 7 năm 2014.
- Hợp đồng thế chấp động sản số 8716/2014-HĐTCQTS-02BS/880-CM ngày 01 tháng 7 năm 2014.
- Hợp đồng thế chấp cổ phần số 9706/2015-HĐTCCP-05/880-CM ngày 16 tháng 6 năm 2015.
- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300052541/2019/HĐBĐ/NHCT880 ngày 02 tháng 01 năm 2019.
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 13062016-300052541-HĐCC ngày 14 tháng 6 năm 2016.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.105.329.508	351.042.978.566	-	(338.376.481.799)	83.907.913	29.855.734.188
Vay dài hạn đến hạn trả	1.552.000.000	-	873.700.710	(1.552.000.000)	-	873.700.710
Cộng	18.657.329.508	351.042.978.566	873.700.710	(339.928.481.799)	83.907.913	30.729.434.898

17b. Vay dài hạn

Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải chế biến thủy hải sản với lãi suất 3,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh V.2).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	873.700.710	1.552.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	258.000.000	1.131.700.710
Cộng	1.131.700.710	2.683.700.710

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.131.700.710	2.683.700.710
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(873.700.710)	(1.552.000.000)
Số cuối năm	258.000.000	1.131.700.710

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

115-C
TY
HỮU H
À TƯ V
C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	175.286.455	4.024.865.068	(2.480.200.000)	1.719.951.523
Quỹ phúc lợi	799.862.742	-	(581.210.000)	218.652.742
Cộng	975.149.197	4.024.865.068	(3.061.410.000)	1.938.604.265

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	27.475.490.000	27.475.490.000
Ông Huỳnh Koc Hải	23.113.600.000	23.113.600.000
Ông Huỳnh Văn Long	4.900.000.000	4.900.000.000
Ông Lê Văn Kháng	4.151.430.000	4.151.430.000
Ông Huỳnh Công Mạo	1.698.640.000	1.698.640.000
Bà Hoàng Thị Bắc	1.734.690.000	1.734.690.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	1.538.210.000	1.538.210.000
Ông Trương Bách Thế	1.449.060.000	1.449.060.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Trinh	1.086.050.000	1.086.050.000
Các cổ đông khác	12.939.030.000	12.939.030.000
Cộng	80.086.200.000	80.086.200.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.008.620	8.008.620
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.008.620	8.008.620
- Cổ phiếu phổ thông	8.008.620	8.008.620
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.008.620	8.008.620
- Cổ phiếu phổ thông	8.008.620	8.008.620
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số số 23/NQ-Cty ngày 24 tháng 4 năm 2020 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 14.415.516.000
• Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 4.024.865.068
• Trích thù lao Hội đồng quản trị và thù lao Ban kiểm soát	: 1.006.216.267
Cộng	19.446.597.335

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 51.551,13 USD (số đầu năm là 117.871,54 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hoá	1.250.995.610	1.937.556.742
Doanh thu bán thành phẩm	435.795.710.759	400.332.780.489
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.363.728.679	2.342.718.526
Doanh thu bán phụ phẩm	19.869.820.200	20.019.252.000
Cộng	<u>459.280.255.248</u>	<u>424.632.307.757</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	-	958.143.920
Giảm giá hàng bán	-	223.440.000
Cộng	<u>-</u>	<u>1.181.583.920</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.170.830.680	1.214.727.573
Giá vốn của thành phẩm đã bán	389.591.849.439	349.466.759.585
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.217.349.651	1.622.348.656
Giá vốn phụ phẩm	19.869.820.200	20.019.252.000
Giá vốn tiền thuê đất	859.547.082	504.796.327
Cộng	<u>412.709.397.052</u>	<u>372.827.884.141</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.638.936.506	1.599.782.621
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.008.700.000	2.206.380.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.716.639.037	880.817.359
Cộng	<u>6.364.275.543</u>	<u>4.686.979.980</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	800.796.529	799.976.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	762.956.900	322.929.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	183.230.726	109.604.523
Lỗ chuyển nhượng công ty liên kết	-	5.250.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(8.400.032.004)
Cộng	<u>1.746.984.155</u>	<u>(1.917.522.265)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	-	24.199.500
Chi phí vận chuyển	12.118.708.762	10.739.348.129
Chi phí hoa hồng	4.966.549.087	4.477.955.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.354.523	202.398.613
Các chi phí khác	5.744.180.329	4.426.733.525
Cộng	<u>22.930.792.701</u>	<u>19.870.635.459</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.031.412.745	8.909.936.346
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.150.000	1.100.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	560.791.128	475.116.780
Thuế, phí và lệ phí	31.201.400	32.493.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.132.613	232.967.683
Các chi phí khác	2.558.293.391	3.311.260.067
Cộng	<u>13.431.981.277</u>	<u>12.962.874.494</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.794.641.661	386.418.021
Thu tiền hỗ trợ doanh nghiệp	192.000.000	-
Xử lý khoản nợ phải thu Vtesco	855.261.192	-
Tiền bồi thường	-	20.890.000
Thu nhập khác	7.108	2.474.623
Cộng	<u>2.841.909.961</u>	<u>409.782.644</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cá bố mẹ tổn thất do ô nhiễm nguồn nước	527.847.754	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	983.788.455
Chi phí khác	30.112.545	120.634.301
Cộng	<u>557.960.299</u>	<u>1.104.422.756</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	334.717.346.148	313.832.031.528
Chi phí nhân công	55.588.497.854	49.308.166.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.319.987.481	4.992.191.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.825.126.392	31.785.785.981
Chi phí khác	16.625.541.195	16.849.733.887
Cộng	<u>445.076.499.070</u>	<u>416.767.909.309</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo thông báo số 6319/TB-CCT của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 26 tháng 6 năm 2019, căn cứ kiến nghị Kiểm toán nhà nước kiểm tra về việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011 – 2017, Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu – công ty con của Công ty đã bị truy thu tiền thuê đất với số tiền là 47.502.635.102 VND. Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu đã gửi Công văn số 01/TT.VCP ngày 17 tháng 5 năm 2019, Sở Tài chính của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã gửi Công văn số 4430/STC-QLGSC&TCĐN ngày 09 tháng 11 năm 2020 và Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã gửi văn bản số 13846/UBND-VP ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc xác định tính hợp pháp và hợp lý các hợp đồng thuê đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kiến nghị đề xuất truy thu tiền thuê đất của Kiểm toán nhà nước là chưa phù hợp.

Ngoài ra, theo Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty từ Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ngày 22 tháng 10 năm 2019, Công ty phải nộp tiền lãi chậm nộp cổ tức phần vốn nhà nước với số tiền là 5.563.180.509 VND. Đối với khoản lãi chậm nộp cổ tức này, ngày 28 tháng 8 năm 2018, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã gửi công văn số 8500/UBND-VP gửi Bộ Tài chính về miễn lãi các khoản chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Theo yêu cầu văn bản số 2737/ĐTKDV-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc tính toán lại tiền lãi chậm nộp cổ tức phần vốn nhà nước, Công ty đã gửi bổ sung Báo cáo tình hình công nợ của Doanh nghiệp đối với Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp thời điểm ngày 15 tháng 3 năm 2021 với mức lãi chậm nộp cổ tức phần vốn nhà nước là 4.451.796.785 VND. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận số liệu này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 mà đang chờ phản hồi của Bộ Tài chính về việc xin miễn lãi các khoản chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
<i>Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị</i>			
Ông Lê Văn Kháng	Chủ tịch	240.000.000	187.599.643
Ông Huỳnh Văn Long	Thành viên	156.000.000	119.381.591
Ông Trương Bách Thế	Thành viên	156.000.000	187.599.643
Ông Huỳnh Koc Hải	Thành viên	156.000.000	102.327.078
Bà Nguyễn Thị Lệ Trinh	Thành viên	-	136.436.104
Bà Trần Thị Hồng Châm	Thành viên	156.000.000	-
<i>Thù lao của Ban Kiểm soát</i>			
Bà Trần Thị Hồng Châm	Trưởng ban	-	136.436.104
Bà Nguyễn Thị Lệ Trinh	Trưởng ban	156.000.000	-
Ông Nguyễn Vĩnh Khương	Thành viên	36.000.000	34.109.026
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	Thành viên	-	34.109.026
Ông Lê Hữu Đức	Thành viên	36.000.000	-
<i>Tiền lương, tiền thưởng của các thành viên Ban điều hành</i>			
Ông Trương Bách Thế	Tổng Giám đốc	1.126.537.773	733.060.616
Ông Lê Văn Kháng	Phó Tổng Giám đốc	219.106.409	442.914.284
Ông Lê Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc	518.561.269	-
Bà Nguyễn Thị Lệ Trinh	Kế toán trưởng	202.082.408	307.940.260
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Kế toán trưởng	370.103.661	-
Cộng		3.528.391.520	2.421.913.375

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy Hải Sản Hùng Cường	Công ty đầu tư góp vốn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ thành phẩm, hàng hóa của Công ty chủ yếu là để xuất khẩu ra nước ngoài.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Vũng Tàu, ngày 22 tháng 3 năm 2021



Hồ Thị Bảo Châu
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Thủy
Kế toán trưởng



Trương Bách Thế
Tổng Giám đốc

98
GT
MH
VÀ
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.086.200.000	8.778.885.000	8.294.671.639	12.589.432.274	109.749.188.913
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	19.320.342.748	19.320.342.748
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(2.517.886.455)	(2.517.886.455)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(8.008.620.000)	(8.008.620.000)
Trích Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.258.943.226)	(1.258.943.226)
Số dư cuối năm trước	80.086.200.000	8.778.885.000	8.294.671.639	20.124.325.341	117.284.081.980
Số dư đầu năm nay	80.086.200.000	8.778.885.000	8.294.671.639	20.124.325.341	117.284.081.980
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	14.844.020.366	14.844.020.366
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	(4.024.865.068)	(4.024.865.068)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(14.415.516.000)	(14.415.516.000)
Trích Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.006.216.267)	(1.006.216.267)
Số dư cuối năm nay	80.086.200.000	8.778.885.000	8.294.671.639	15.521.748.372	112.681.505.011

Vũng Tàu, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Hồ Thị Bảo Châu
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Thủy
Kế toán trưởng



Trương Bách Thế
Tổng Giám đốc

